

rừng sồi
 trúc, có
 ở nhất là
 ở lại bên
 địa chỉ cũ
 rừng hoa
 chất và
 anh tế - x
 dân quốc
 và về rừng

De l'Etat

THE JOURNAL OF THE

u h⁺ t r o o

1.5 deaths

THE DAY

知照此致

उत्तर प्रदेश

7 Dec 41

3, 22 2

13 June

vùng so với mức bình quân chung của cả nước; cơ bản hoàn thành sắp xếp ổn định dân cư, nhất là vùng đồng bào tái định cư, đưa dân trở lại biên giới, khắc phục cơ bản tình trạng dân di cư tự do; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia”(2).

Đề khai thác có hiệu quả lợi thế tiềm năng của khu vực Tây Bắc trong phát triển kinh tế - xã hội, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta đã dành một khoản ngân sách lớn đầu tư cho khu vực này. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chỉ tính riêng năm 2014, tổng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước dành cho Tây Bắc là trên 15.472 tỷ đồng, chiếm 12, 53% của cả nước và bằng 99, 8% so với năm 2013. Trong đó, vốn trong nước trên 14.130 tỷ đồng, còn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trên 1.430 tỷ đồng. Ngoài ra, Tây Bắc cũng được phân bổ trên 9.705 tỷ đồng vốn trái phiếu chính phủ. Nếu tính từ năm 2008 đến tháng 11/2013, nguồn vốn ODA được ký kết để phát triển Tây Bắc đạt 2.064, 99 triệu USD, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, xóa đói giảm nghèo được ưu tiên cao nhất với 731, 82 triệu USD, chiếm 35, 44 % tổng vốn ODA của cả nước.

Dù được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và đã có những bước phát triển trong những năm qua, nhưng các tiềm năng của khu vực Tây Bắc vẫn chưa được khai thác hiệu quả. Những “tiềm năng và lợi thế phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy điện, khai khoáng, du lịch và kinh tế cửa khẩu”(3) vẫn còn bỏ ngỏ. Vì vậy, để phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Bắc theo hướng bền vững trong thời kỳ hội nhập quốc tế, cần phát huy và khai thác có hiệu quả hơn nữa lợi thế tiềm năng của khu vực.

1. Tiềm năng cho phát triển kinh tế của khu vực Tây Bắc

1.1. Tiềm năng trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng

Với việc, tiến hành xây dựng nhiều nhà máy thủy điện tại khu vực Tây Bắc, hiện nay khu vực này là vùng sản xuất thủy điện lớn nhất cả nước, với Nhà máy Thủy điện Hòa Bình (1.920Mw), Nhà máy Thủy điện Sơn La (2.400Mw) và hàng trăm nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, như Nậm Chiến I, Nậm chiến II, Huổi Quảng... (hiện nay đang xây dựng nhà máy thủy điện Lai Châu), các nhà máy này đã cung cấp một lượng điện năng lớn đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia.

Cùng với thủy điện, tiềm năng cho ngành công nghiệp khai khoáng cũng được xem là ưu thế đặc biệt của vùng Tây Bắc khi có nhiều mỏ khoáng sản. Theo kết quả khảo sát, hiện nay trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã xác định được 32 điểm quặng sắt và kim loại, 14 điểm mỏ than, nhiều điểm khai khoáng vật liệu xây dựng, nước khoáng... nhưng chưa được thăm dò và đánh giá sâu về trữ lượng. Tỉnh Yên Bái cũng khá đa dạng về chủng loại khoáng sản như: than đá, than bùn, than nâu, đồng, chì, kẽm, vàng, pirit, barit, caolan, felpat, thạch anh, grafit, đá quý, đất hiếm, nước nóng... Đáng chú ý là trữ lượng cao lanh 1, 425 triệu tấn, quặng felpat 1 triệu tấn, quặng grafit 141.791 tấn, than đá 600.000 tấn, than bùn 360.000 tấn. Ngoài ra còn có apatit, đồng Sin Quyền, sắt Quý Sa (Lào Cai); Niken - đồng Bản Phúc (Sơn La)... các mỏ khoáng sản này là cơ hội mở ra đối với ngành công nghiệp khai khoáng.

Bên cạnh thủy điện và khoáng sản, lĩnh vực xây dựng, nhất là xây dựng cơ sở hạ tầng cũng được đánh giá là một ngành đang phát triển của khu vực. Đến nay Chính phủ và các tỉnh khu vực Tây Bắc đã cải tạo và nâng cấp

trên 3.000 km tuyến quốc lộ như quốc lộ 6, quốc lộ 32b, quốc lộ 4D, quốc lộ 70... gần 400 km đường vành đai biên giới trên địa bàn; hàng nghìn kilômét đường liên huyện, đường đến trung tâm xã... đặc biệt là việc đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Hà Nội – Lào Cai. Tuy nhiên, để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu mở rộng mạng lưới giao thông cả về đường bộ, đường sắt và đường hàng không ở khu vực Tây Bắc là điều cần thiết. Hiện nay, một số công trình cần thực hiện như: mở rộng và nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội – Lào Cai, cải tạo và nâng cấp sân bay Nà Sản (Sơn La), xây dựng mới cảng hàng không sân bay Lào Cai. Vì vậy, đây đang là điểm đến thu hút các nhà đầu tư, hứa hẹn sẽ mở ra một tương lai tươi sáng cho ngành xây dựng của khu vực Tây Bắc.

Đi cùng với thủy điện và khoáng sản, hiện nay trên địa bàn Tây Bắc cũng đã xây dựng nhiều khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) có quy mô vừa và nhỏ. Theo báo cáo của Cục Công nghiệp địa phương, Bộ Công thương, trong những năm gần đây, việc thu hút đầu tư vào các KCN, cụm công nghiệp CCN ở các tỉnh vùng Tây Bắc đã có nhiều chuyển biến tích cực, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Tại tỉnh Lào Cai, hiện nay, các KCN, CCN trên địa bàn đã thu hút 129 dự án đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt trên 19.400 tỷ đồng; tỷ lệ lấp đầy tại KCN Đông Phố Mới đạt trên 81%, Tầng Loòng 76% và Bắc Duyên Hải đạt trên 97%. Tỉnh Hòa Bình cũng đã có 8 KCN được Chính phủ chấp thuận điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam gồm: Lương Sơn; Bờ trái Sông Đà, Yên Quang, Mông Hóa, Thanh Hà, Nam Lương Sơn, Nhuận Trạch và Lạc Thịnh. Tỉnh Sơn La đang hoàn thiện việc phát triển KCN Mai Sơn, tập trung thu hút các dự án đầu tư vào các lĩnh vực chế biến nông, lâm sản; cơ khí chế tạo, điện, điện tử, sản xuất hàng tiêu

dùng. Tỉnh Yên Bái đã phê duyệt quy hoạch chi tiết 5 KCN, với diện tích trên 925 ha. Hầu hết các KCN đã được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như: điện, đường, nước, bưu chính viễn thông... khá hoàn chỉnh, đáp ứng mọi yêu cầu của nhà đầu tư.

1.2. Tiềm năng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản

Về cây lúa, năm 2007 toàn khu vực có diện tích 157, 5 nghìn ha, đến năm 2014 tăng 15, 4% (21 nghìn ha), năng suất lúa cả năm đạt 36, 4 tạ/ha, tăng 8, 9 tạ/ha (23, 4%). Năng suất lúa ở Tây Bắc tuy không cao, nhưng chất lượng lại tốt, nhất là gạo tám Mường Thanh, nếp Tú Lệ, Nàng Hương (Yên Bái), Sến Cù (Lào Cai) ... được thị trường trong nước ưa chuộng. Cây ngô cũng được trồng nhiều ở các tỉnh Tây Bắc như: Điện Biên, Sơn La và Hòa Bình. Đặc biệt những năm qua, sản xuất ngô không chỉ dùng làm lương thực mà trở thành cây hàng hóa phát triển mạnh ở khu vực này. Ngoài ra, các loại cây ăn quả và cây công nghiệp khác cũng được đưa vào gieo trồng như: dứa Queen, xoài, chuối (huyện Yên Châu), cam (huyện Cao Phong) thuốc lá (huyện Mường Khương), cây chè ở Sơn La, Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái, cây cao su ở Lai Châu, Điện Biên... Việc chuyển đổi trồng cao su là mô hình xóa đói, giảm nghèo thành công lớn nhất tại Lai Châu ba năm vừa qua, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của Lai Châu từ 46, 7% (năm 2011) xuống còn 27, 8% (năm 2014).

Trong lĩnh vực chăn nuôi, đã từng bước chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang hình thức chăn nuôi tập trung theo quy mô trang trại và áp dụng khoa học – kỹ thuật. Ngoài việc chăn nuôi bò sữa ở Mộc Châu (Sơn La), các tỉnh khác cũng đã triển khai các mô hình chăn nuôi trâu, bò thịt như: Yên Bái, Lào Cai, với khoảng 123, 7 nghìn con (hàng năm tăng khoảng 3%), sản lượng thịt trâu xuất

chuồng đạt khoảng 1.500 tấn/năm. Các huyện như Bảo Yên, Mường Khương và Si Ma Cai đã áp dụng khoa học – kỹ thuật cải tạo được giống tốt có tầm vóc to và khối lượng lớn, trung bình 500 - 650 kg/con trưởng thành. Bên cạnh đó, với diện tích mặt nước trên 95 nghìn ha, hệ thống sông, suối và hồ nước tạo ra tiềm năng cho nuôi trồng thủy sản. Vì vậy, nhiều mô hình nuôi trồng thủy sản có giá trị cao như cá hồi, cá tầm trong môi trường nước lạnh, mang lại hiệu quả kinh tế rất cao như Lào Cai, Lai Châu, Yên Bái...

Bên cạnh các lĩnh vực trên thì hiện nay các địa phương của khu vực Tây Bắc đã thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng và cá nhân trồng và bảo vệ rừng, tăng tỷ lệ rừng kinh tế, phát triển rừng trồng sản xuất tạo vùng nguyên liệu cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến. Trong năm 2014 toàn khu vực đã trồng mới 104.400 ha rừng các loại, tăng 6, 9% so với năm 2013.

1.3. Tiềm năng trong lĩnh vực thương mại dịch vụ

Tiềm năng khai thác lĩnh vực thương mại dịch vụ được tạo ra khi khu vực có chủ trương “Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu sản phẩm, trước hết là các sản phẩm nông sản. Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ thương mại, tăng cường trao đổi thương mại giữa các tỉnh trong vùng với Trung Quốc và Lào. Tập trung phát triển các khu kinh tế cửa khẩu trên cơ sở đẩy mạnh hợp tác phát triển “hai hành lang” kinh tế giữa Việt Nam với Trung Quốc; Nâng cấp và hình thành mới các trung tâm thương mại ở các địa phương trong vùng; ... Phân đấu tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng bình quân 18%/năm, tổng kim ngạch xuất

khẩu tăng bình quân 16 - 17%/năm... Đầu tư hạ tầng du lịch tại các khu căn cứ cách mạng; gắn phát triển du lịch của vùng với các tour du lịch của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước...”(3).

Thực hiện quan điểm chỉ đạo đó cùng với việc phát huy lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi khi giáp với các nước Trung Quốc, Lào và các khu vực khác trong nước như đồng bằng sông Hồng, khu vực Đông Bắc và Bắc Trung Bộ. Đồng thời, với hệ thống giao thông đường bộ (cao tốc Hà Nội – Lào Cai, QL6, QL32B, QL70, QL4B...), đường sắt (Hà Nội – Lào Cai), đường thủy, đường không nối liền với các thành phố lớn và các khu vực khác nên đã giúp cho việc vận chuyển lưu thông hàng hóa cũng như thương mại qua các cửa khẩu đạt được những kết quả hết sức khả quan.

Bên cạnh lợi thế về thương mại, khu vực Tây Bắc được xem là có nhiều tiềm năng cho phát triển du lịch dịch vụ khi có nhiều lễ hội mang giá trị văn hóa truyền thống cao, cùng nhiều di tích lịch sử cấp quốc gia như: nhà tù Sơn La, khu di tích Điện Biên Phủ... và nhiều điểm du lịch nổi tiếng như Sa Pa, hồ Thác Bà, Mộc Châu, Ruộng bậc thang Mù Cang Chải... Để phát huy lợi thế này, trong những năm qua, các tỉnh khu vực Tây Bắc đã tiến hành đầu tư cơ sở hạ tầng, liên kết mở các tour du lịch văn hóa “về cội nguồn”; “Lễ hội sông Hồng”; tổ chức Tuần Văn hoá, thể thao, du lịch Danh thắng quốc gia Ruộng bậc thang Mù Cang Chải... Với cách làm này, Tây Bắc đã thu hút được lượng lớn du khách trong và ngoài nước, giúp cho phát triển kinh tế từ lĩnh vực du lịch dịch vụ. Tính đến hết năm 2014 tỷ trọng tăng trưởng GDP của ngành thương mại và dịch vụ toàn khu vực tăng lên 41, 98% so với 34, 3% của năm 2007. Các tỉnh đạt tỷ lệ là: Lào Cai đạt 41, 16%, Yên Bái 34%, Sơn La 42, 3%,

Điện Biên 23, 95%, Hòa Bình 30%, Lai Châu 32, 96%.

2. Một số nhận định về thực trạng phát huy tiềm năng của khu vực Tây Bắc hiện nay

Nhờ có chủ trương, chính sách đúng đắn, việc đầu tư hợp lý của Đảng, Nhà nước và khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế của vùng, đồng thời, cùng với sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc, nền kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc trong những năm qua đã có sự chuyển biến rõ nét. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, giai đoạn 2010 - 2014 tăng trưởng GDP toàn vùng bình quân đạt 9, 54%, (năm 2014 đạt 8, 79%); cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, thu nhập bình quân đạt 24, 7 triệu đồng/người/năm; thu ngân sách nhà nước năm 2014 đạt gần 26.000 tỷ đồng (tăng 30% so với năm trước). Kết cấu hạ tầng được quan tâm; nhiều dự án hoàn thành đưa vào khai thác; các trục giao thông đường bộ huyết mạch đã và đang được đầu tư, nâng cấp và phát huy hiệu quả (nhất là tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai). Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu trên địa bàn năm 2014 đạt 7, 803 tỷ USD, tăng 41, 71% so với cùng kỳ năm trước. Trong 10 năm gần đây đã có trên 466.000 hộ thoát nghèo, đưa tỷ lệ hộ nghèo toàn khu vực đến hết năm 2014 giảm còn 26% (giảm 4, 3% so với năm trước); tạo thêm được việc làm mới cho trên 1, 7 triệu lao động; xây dựng được trên 552.000 công trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn...

Với quan điểm chỉ đạo "Ưu tiên phát triển công nghiệp điện, chế biến sâu khoáng sản, chế biến nông lâm sản, chế tạo và lắp ráp điện tử, vật liệu xây dựng"(3), giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng của khu vực Tây Bắc trong những năm qua luôn được tăng lên. Riêng năm 2014 tỷ lệ tăng trưởng GDP của lĩnh vực này ước đạt 31.676, 5 tỷ đồng, tăng 17, 17% so với năm 2012. Một số tỉnh có tăng

trưởng cao hơn so với năm 2012 là Sơn La tăng 43, 45%; Lào Cai tăng 39%; Yên Bái trên 22%...

Phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản với tốc độ tăng trưởng bình quân 4 - 4, 5%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 3, 5 - 4%/năm thời kỳ 2016-2020"(3). Trong những năm qua, lĩnh vực nông nghiệp khu vực Tây Bắc đã có bước phát triển nhanh và hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo hướng hàng hóa. Trong đó phải kể đến thế mạnh của một số các loại cây lương thực như lúa, ngô, cây ăn quả, cây công nghiệp.

Với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng nên nông, lâm, ngư nghiệp của vùng đã bắt đầu phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung như chè 74.000 ha, cây ăn quả 180.000 ha, cà phê trên 15.000 ha. Dự án trồng cây cao su tiếp tục được triển khai, mở rộng ở những vùng có điều kiện sinh thái phù hợp, sử dụng giống chịu lạnh, cải tiến quy trình canh tác, đưa diện tích toàn vùng đạt trên 62.000ha. Phát triển chăn nuôi đại gia súc, cây dược liệu, mía đường nên đã là cho kinh tế của Tây Bắc đang từng bước phát triển bền vững. Năm 2014, tỷ lệ tăng trưởng của khu vực trong lĩnh vực này đạt 26, 67%.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì sự phát triển kinh tế - xã hội chưa thật sự xứng với sự đầu tư và tiềm năng vốn có của khu vực Tây Bắc. Trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, dù đã phát triển được nhiều KCN, CCN, nhưng đến nay ngành công nghiệp của khu vực Tây Bắc phát triển còn chậm, quy mô còn nhỏ và chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như: khai thác đá, kim loại; sản xuất gạch ngói, vôi, rượu bia, giấy, máy xát, nước khoáng, tiểu, thủ công nghiệp gia đình, dệt may, sản xuất trang phục, sản phẩm da, sản xuất giường, tủ, bàn ghế... Trong nông nghiệp dù đã có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật

PHÁT
sản
nông
lâm
nghiệp
và
thủy
sản
với
tốc
độ
tăng
trưởng
bình
quân
4 - 4,5%/năm
thời kỳ
2011 - 2015
và 3, 5 - 4%/năm
thời kỳ
2016-2020"
(3). Trong
những năm
qua, lĩnh
vực nông
nghiệp khu
vực Tây Bắc
đã có bước
phát triển
nhanh và
hình thành
các vùng
chuyên canh
sản xuất
theo hướng
hàng hóa.
Trong đó
phải kể đến
thế mạnh
của một số
các loại cây
lương thực
như lúa, ngô,
cây ăn quả,
cây công
nghiệp.
Với việc
chuyển đổi
cơ cấu cây
trồng nên
nông, lâm,
ngư nghiệp
của vùng đã
bắt đầu
phát triển
theo hướng
sản xuất
hàng hoá.
Đã hình
thành một
số vùng
sản xuất
tập trung
như chè
74.000 ha,
cây ăn quả
180.000 ha,
cà phê trên
15.000 ha.
Dự án trồng
cây cao su
tiếp tục
được triển
khai, mở
rộng ở
những vùng
có điều kiện
sinh thái
phù hợp,
sử dụng
giống chịu
lạnh, cải
tiến quy
trình canh
tác, đưa
diện tích
toàn vùng
đạt trên
62.000ha.
Phát triển
chăn nuôi
đại gia súc,
cây dược
liệu, mía
đường nên
đã là cho
kinh tế của
Tây Bắc
đang từng
bước phát
triển bền
vững. Năm
2014, tỷ
lệ tăng
trưởng của
khu vực
trong lĩnh
vực này
đạt 26, 67%.

nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa nhưng vẫn còn nhỏ và chỉ mới một số địa phương thực hiện. Công tác trồng mới và bảo vệ rừng chưa được quan tâm nhiều, trong khi rừng bị tàn phá, kể cả rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ nên đất đai bị xói mòn, đồi núi trọc chiếm tỷ lệ lớn và tăng nhanh. Trong thương mại dịch vụ chưa khai thác hết tiềm năng, nhất là thương mại biên mậu, hệ thống hạ tầng cơ sở cho du lịch dịch vụ còn thiếu... Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực Tây Bắc được xem là thấp nhất của cả nước; tỷ lệ hộ nghèo gần 26 %, (cứ khoảng bốn hộ thì có một hộ nghèo), cao gấp 3 lần so với trung bình chung của cả nước, số huyện nghèo chiếm gần 70 % của cả nước, nhất là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do điều kiện địa lý không thuận lợi, việc đầu tư cho kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực cho vùng những năm qua chưa theo kịp yêu cầu hội nhập kinh tế. Hệ thống giao thông dù đã cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới một số tuyến đường nhưng đi lại vẫn hết sức khó khăn, nhất là mùa mưa; đường hàng không hoạt động không ổn định; giao thông đường thủy không thuận tiện cho vận tải hành khách, hàng hóa. Điện cũng là yếu tố khó khăn do chi phí cao trong xây dựng đường dây, trạm hạ thế. Tài nguyên đất đai, rừng, sông suối, khoáng sản rất phong phú nhưng khó khai thác, vì vốn thiếu, công nghệ lạc hậu, nhân lực có trình độ cao thiếu nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, trình độ dân trí chưa phát triển, kỹ thuật canh tác nông, lâm nghiệp nói chung còn lạc hậu, tình trạng du canh, du cư, đốt phá rừng làm nương rẫy, độc canh và quảng canh vẫn phổ biến ở vùng cao. Cán bộ thiếu về số lượng, bất cập về cơ cấu, thấp về trình độ, nhất là cán bộ khoa học - kỹ thuật cao, cán bộ quản lý kinh tế giỏi. Đội ngũ cán bộ có trình độ đại học là con em các dân tộc

thiểu số còn quá ít, trong khi đó, đội ngũ cán bộ miền xuôi lên công tác ở Tây Bắc chưa yên tâm gắn bó lâu dài, do chế độ chính sách thu hút nhân tài của các tỉnh trong vùng chưa có hoặc chưa phát huy tác dụng. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội Tây Bắc của Nhà nước tuy đạt được kết quả bước đầu, nhưng chưa bền vững, chưa ổn định và còn khoảng cách xa so với mục tiêu đề ra.

3. Kiến nghị các giải pháp phát huy tiềm năng khu vực Tây Bắc

Để khắc phục những khó khăn hạn chế, từng bước đưa kinh tế các tỉnh khu vực Tây Bắc phát triển theo hướng bền vững trong thời kỳ hội nhập quốc tế, đồng thời cũng là để giải đáp cho những băn khoăn của lãnh đạo Đảng, Nhà nước về vấn đề "Tại sao ở vùng đất chiến lược, phen giàu của Tổ quốc có quá nhiều tiềm năng ấy, bà con vẫn nghèo nhất cả nước?"(4), trong thời gian tới cần thực hiện quyết liệt và đồng bộ tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc gắn với quy hoạch tổng thể quốc gia theo hướng đồng bộ, toàn diện và lâu dài. Để hoàn thiện quy hoạch vùng, trước hết cần đổi mới nhận thức về vị trí của vùng Tây Bắc trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời "Tiếp tục thực hiện các quan điểm, định hướng về phát triển kinh tế của vùng được nêu trong Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của kinh tế vùng"(2). Trong đó, cần bám sát các mục tiêu, phương hướng đã đề ra tại Quyết định số 1064/QĐ-TTg ngày 8/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó cần phải đổi mới nhận thức để tạo

sự đột phá về tổ chức và quản lý cùng với hoàn thiện cơ chế, chính sách, cơ sở pháp lý trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Tây Bắc theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, do Tây Bắc là vùng nghèo, thiếu vốn rất nghiêm trọng nên giải pháp tài chính càng có ý nghĩa cả trước mắt và lâu dài. Trước mắt, cần tăng thêm tỷ trọng đầu tư từ ngân sách của trung ương, các nguồn vốn của các tổ chức trong nước và nước ngoài cho vùng để tạo bước ngoặt về tăng trưởng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của vùng lên ngang mức trung bình cả nước. Đổi mới cơ cấu đầu tư theo hướng tăng tỷ trọng của các ngành, vì thời gian qua, dù đầu tư ngân sách của Nhà nước cho khu vực này mới chỉ dừng lại ở lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xóa đói giảm nghèo (từ năm 2008 đến tháng 11/2013, nguồn vốn ODA được ký kết để phát triển Tây Bắc đạt 2.064, 99 triệu USD, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, xóa đói giảm nghèo được ưu tiên cao nhất với 731, 82 triệu USD), còn các ngành khác chưa được chú trọng. Vì vậy, cần phân bổ ngân sách đầu tư một cách một lý như đầu tư cho công nghiệp, xây dựng; kết cấu hạ tầng nhất là đường giao thông, điện, các công trình thủy lợi, trường học, trạm y tế, bệnh viện; đào tạo nguồn nhân lực; khoa học - công nghệ, các khu công nghiệp chế biến tại các vùng nguyên liệu, công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn... để tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Các công trình cần ưu tiên hàng đầu là nâng cấp một số tuyến đường bộ, tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, sân bay Điện Biên, Nà Sản để giải quyết sự bất cập về giao thông đang làm cản trở sự phát triển của khu vực.

Thứ ba, tạo cơ chế chính sách để thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, nhất là thu hút vốn đầu tư nước ngoài là giải pháp

quan trọng. Đây là giải pháp vừa tạo vốn, vừa tạo thị trường mới về lao động, áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất công, nông nghiệp hàng hóa, từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động vùng theo hướng từ thủ công lên hiện đại. Để thu hút vốn FDI, có nhiều việc phải làm, trong đó có trách nhiệm của Trung ương và các địa phương, nhất là nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, có cơ chế, chính sách thông thoáng... mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thương mại dịch vụ.

Thứ tư, tập trung phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các địa phương trong vùng, đặc biệt ưu tiên đào tạo cán bộ tại chỗ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ hệ thống chính trị cơ sở. Đầu tư phát triển nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, hoàn thành cơ bản chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho một số trường đại học và các cơ sở dạy nghề trong vùng. Dành tỷ lệ hợp lý nguồn vốn đầu tư ngân sách cho nội dung dạy nghề cho lao động bao gồm: đào tạo nghề mới, đào tạo lại, bồi dưỡng ngắn hạn kiến thức và kinh nghiệm làm ăn bằng các ngành, nghề nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ. Ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ dân trí và trình độ nghề nghiệp cho các hộ nghèo.

Thứ năm, tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách đối với vùng Tây Bắc trên tất cả các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng; nông nghiệp; thương mại dịch vụ. Có cơ chế khuyến khích đào tạo cán bộ, nhất là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc bản địa. Đồng thời, thực hiện chính sách ưu phù hợp như tiền lương, nhà ở, đất ở, cơ sở nghiên cứu khoa học, thực nghiệm, đi học nước ngoài... để khuyến khích đội ngũ cán bộ khoa

học - kỹ thuật, trí thức trẻ, nhất là bác sĩ, cán bộ quản lý kinh tế giỏi, giáo viên miền xuôi lên Tây Bắc làm việc lâu dài.

Như vậy, có thể thấy, với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, cùng lợi thế tiềm năng to lớn, đòi hỏi cần phải có định hướng đúng đắn, bước đi phù hợp, khắc phục những khó khăn hạn chế, đồng thời thực hiện tốt các giải pháp trên. Làm tốt những vấn đề này sẽ phát huy được hiệu quả tiềm năng, phát triển bền vững kinh tế - xã hội khu vực Tây Bắc trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương: tài liệu nghiên cứu các Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2003, tr. 82.

- Bài phát biểu chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng Ban chỉ đạo Tây Bắc tại *Hội nghị Xúc tiến Đầu tư và Biểu dương các doanh nghiệp tiêu biểu vùng Tây Bắc*, Mộc Châu (Sơn La), ngày 04/4/2015.
- Kết luận số 26-KL/TW ngày 2/8/2012 của Bộ Chính trị về *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2020*. Hà Nội, 2012.
- Quyết định số 1064/QĐ-TTg ngày 8/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2020*, Hà Nội, 2013.